TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25/8/2017

V/v yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lan.

2/ Bà Nguyễn Thị Mý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2016/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2016 về tranh chấp "Yêu cầu ly hôn'' theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXX- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H (tên gọi khác là Phạm Thị H); địa chỉ: Thôn B, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Ng; địa chỉ: Thôn B, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 7 năm 2016 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn là bà Phan Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh Ng có tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1990, tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai, nhưng hiện nay Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã bị thất lạc. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Cuộc sống sau khi kết hôn hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Ng thường xuyên uống rượu say xỉn, về nhà thì đánh đập vợ con. Trong các năm 2009, 2012 bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng vì con nên bà lại rút đơn. Tuy nhiên, sau khi về chung sống với nhau được khoảng 5 tháng thì ông Ng lại tiếp nhậu nhẹt say xỉn và đánh đập vợ con. Chính vì vậy, bà và ông Ng đã ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay và

hiện tại ông Ng đã yêu thương người phụ nữ khác, ông không còn quan tâm, yêu thương vợ con. Bà nhận thấy không còn tình cảm với ông Ng nữa, nên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh Ng. Trong trường hợp Tòa án không xác định được quan hệ hôn nhân của bà và ông Ng thì đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Minh Ng.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Minh Ng có 03 (Ba) người con chung gồm: Nguyễn Thị Thanh Th- sinh năm 1992, Nguyễn Thị Thanh Ng- sinh năm 1995 và Nguyễn Tiến Th- sinh năm 1997. Vì các con chung đã thành niên, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/8/2016 và các lời khai tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Minh Ng trình bày:

Vào tháng 01/1990 ông và bà Phan Thị H chung sống với nhau như vợ chồng mà không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong cuộc sống vợ chồng, do tính tình không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, bà H đến nay đã ra ở riêng. Do vậy, ông Ng đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Phan Thị H.

Về con chung: Như lời khai của bà H nêu trên, các con của ông và bà H đã đủ tuổi trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Nguyễn Minh Ng là vợ chồng. Bà H và ông Ng hiện đang cư trú tại thôn B, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai, do đó, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện I, Gia Lai theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Minh Ng xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1990 và họ không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống với ông Nguyễn Minh Ng, do mâu thuẫn phát sinh, nên bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn hoặc trong trường hợp không xác định được quan hệ hôn nhân thì không công nhận bà và ông Ng là vợ chồng.

Xét, bà H và ông Ng xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1990. Lẽ ra, trong thời gian chung sống với nhau họ phải đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Tuy vậy, họ không đăng ký kết hôn bởi theo biên bản xác minh ngày 26 tháng 4 năm 2017 thì Ủy ban nhân dân xã I, huyện I, Gia Lai không xác định được ông H, bà Ng có đăng ký kết hôn. Đồng thời, đến nay mâu thuẫn

của vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Ng đã đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Phan Thị H và ông Nguyễn Minh Ng là vợ chồng.

Do những người con chung của các đương sự đã thành niên nên họ không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung, đồng thời các đương sự cũng không yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết việc thanh toán nghĩa vụ chung, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

Không công nhận bà Phan Thị H và ông Nguyễn Minh Ng là vợ chồng.

2. Về án phí:

Bà Phan Thị H phải chịu 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng đã nộp trước đây theo biên lai số 0000150 ngày 25/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND H. Ia Grai;
- Chi cục THADS H. Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Lưu Anh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND H. Ia Grai;
- CCTHADS H. Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Lưu Anh Tuấn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Ia Grai, ngày 06 tháng 7 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI- TỈNH GIA LAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông ***Lưu Anh Tuấn***
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Văn Hoàng.**

2/ Ông **Phan Đình Xiềng.**

Căn cứ Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 7 năm 2016 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn''*, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu**, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Kon Tu II, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh **Trần Xuân Hiếu**, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 4, xã Ia Tô, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận biểu quyết về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

- ***Ý kiến Hội thẩm 1:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu

Đương sự phải chịu án phí theo quy định và được quyền kháng cáo theo luật định.

- ***Ý kiến Hội thẩm 2 và Thẩm phán:*** Thống nhất như ý kiến Hội thẩm 1

Kết quả biểu quyết 3/3.

Kết quả nghị án như sau:

Ý kiến Hội thẩm 1:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 220 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu.

Chị Nguyễn Thị Thu được ly hôn với anh Trần Xuân Hiếu.

2. Về con chung xử:

Giao cháu Trần Nguyễn Minh Quân, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Thu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, tự lập được hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Buộc anh Trần Xuân Hiếu phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Thu 1.000.000đồng/tháng *(Một triệu đồng)*, kể từ tháng 7/2016 cho đến khi cháu Quân đã thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ 200.000 đồng trong số tiền tạm nộp án phí trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003968 ngày 28 tháng 3 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Chị Thu đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trần Xuân Hiếu phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

- ***Ý kiến Hội thẩm 2 và Thẩm phán:*** Thống nhất như ý kiến Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản nghị án kết thúc lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày. Biên bản đã được đọc lại cho Hội đồng xét xử cùng nghe, mọi người thống nhất với nội dung nêu trên và đồng ý ký tên dưới đây./.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**